

Số: 13/2019/QĐST-DSTC
V/V Tranh chấp quyền sử dụng đất

Lục Nam, ngày 07 tháng 06 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ**

Căn cứ vào các Điều 48, điểm g khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 1 Điều 192, Điều 218, Điều 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;

Xét thấy: Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T với bị đơn ông Nguyễn Hữu N chưa được Ủy ban nhân dân xã N hòa giải theo quy định tại Điều 202 Luật đất đai 2013 nên vụ án chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 11/2019/TLST-DSTC ngày 26 tháng 02 năm 2019 về việc: Tranh chấp về quyền sử dụng đất, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1956

Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958

- Bà Phạm Thị Nụ, sinh năm 1958

- Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1963

Đều địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang

- Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1979

- Anh Nguyễn Hữu L, sinh năm 1981

Đều địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ngõ 235, tổ 6, khu 2 phường Q, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn Quỳnh Cả, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Hạt kiểm lâm huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: TT Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Hữu T được quyền khởi kiện lại khi có đủ điều kiện theo luật. Ông Nguyễn Hữu T được miễn tiền án phí theo luật định.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Văn Bảo

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Tòa án ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh T Hoá). Nếu Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST- KDTM).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).

(5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tùy vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).

(10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).